

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Bình Hưng Hòa

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP GIỮA HỌC KỲ 1
LỚP: 12A7, GVCN: Nguyễn Thị Tiên Nhựt - NĂM HỌC: 2016-2017

Số TT	Họ và tên		Nữ	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn		Ngoại ngữ		Thể dục	GD QP-AN	XLHL	CP	KP	ĐHK	XLHK
				1T	1T	1T	1T	15'	1T	1T	15'	1T	15'	15'					
1	Đặng Trâm	Anh	X	2.3	6.3	5	4	9	5	6.8	4	5.3	CD	8	Y	1	0	48	T
2	Lâm Quốc	Bảo		2.5	5.3	5	6.5	9	4	4.3	10	7.3	Đ	9	Y			50	T
3	Thái Tuấn	Châu		5.3	6.5	4.5	7.5	9	6	5	9	6.5	Đ	8	TB			48	T
4	An Quốc	Công		2	3	7	6	9	6	5.3	5	5.3	Đ	8	Y			50	T
5	Phan Chí	Công		2.5	3.5	6.8	9	9	7	5.3	7	8	Đ	8	Y			48	T
6	Nguyễn Thanh Duy	Cường		3	5	8	6.8	9	6	5	6	5.8	Đ	8	Y			50	T
7	Lê Phương	Duy		1.8	4.5	4.3	5.3	9	10	3.3	7	5.5	Đ	9	Kem			49.5	T
8	Nguyễn	Duy		1	3	3.8	4	9	3	6	5	3.8	Đ	8	Kem			49.5	T
9	Cao Thị Mĩ	Duyên	X	0.5	7.3	3.8	7.8	9	6.5	8	5	7.3	Đ	8	Kem	1	0	49	T
10	Trần Khải	Dương		3.5	4.5	4.3	4.8	9	6	5	4	3.3	Đ	9	TB			50	T
11	Hoàng Bá	Đại		3.5	6.8	4	6.8	9	6.5	6.5	7	4.5	Đ	8	TB			50	T
12	Dương Bội	Giang		1	4	3.5	4.3	9	7	5.3	7	5.8	Đ	9	Kem			50	T
13	Lưu Phước	Huy		5.5	6.3	6.5	9	9	3	5.8	8	7	Đ	8	TB			49	T
14	Lê Phát	Huy		1.8	5.3	3.8	6.5	9	5	2	6	4.8	Đ	8	Kem			50	T
15	Trần Thị Thu	Huyền	X	2.5	4.8	5	3.3	9	6	6.3	8	7	Đ	8	Y			46.5	T
16	Phạm Thị Xuân	Hương	X	1.5	4.5	5.8	6.3	9	6.5	3.5	6	5.3	Đ	8	Kem			50	T
17	Lê Đăng	Khiêm		5	5.5	6	6.3	9	8	7.8	7	6.8	Đ	8	K			48	T
18	Nguyễn Trọng	Khôi		2.5	5	2.8	4.3	9	4	3.5	6	4	Đ	8	Y			49.5	T
19	Huỳnh Bảo	Lộc		5	6	5.3	6	9	6	5.3	8	7.8	Đ	9	TB			49.5	T
20	Phan Đình Quốc	Nhật		5	5.5	5.3	6.5	9	6	5.5	6	6.5	Đ	9	TB			50	T
21	Mai Nguyễn Yến	Nhi	X	5	6.8	5.3	6.3	9	7.5	4.8	7	5.8	Đ	8	TB	1	0	49.5	T
22	Nguyễn Thị Yến	Nhi	X	5.5	5	5	6.8	9	7	6.3	7	4.8	Đ	8	TB			50	T
23	Nguyễn Sỹ	Oánh		2.3	4.8	4	8.5	9	6	1.8	6	5	Đ	8	Y			50	T
24	Phạm Văn	Phong		4.5	5.5	3	3.3	9	6	4.5	8	5.3	Đ	8	Y			48.5	T
25	Lê Nguyễn Quang	Phú		2.8	5.3	2.8	5	9	3	5.5	8	6.3	Đ	8	Y			48.5	T
26	Ngô Hoàng	Quốc		4.3	6	7.5	6.8	9	7	6	6	6.5	Đ	8	TB			49.5	T
27	Trần Nguyễn Như	Quỳnh	X	3.8	5.5	4.8	5.8	9	6	5.8	4	5.5	Đ	8	TB			50	T
28	Nguyễn Thanh	Sang		3.8	4.8	3.3	6.5	9	6	5	6	4	CD	6	Y			49.5	T
29	Nguyễn Ngọc	Sáng		5.8	6	5	6.5	9	6	5	5	5	Đ	9	TB			50	T

30	Lê Thị Thu	Thảo	X	5	7.5	3.3	6.5	9	5	6.3	6	7.8	Đ	8	Y	1	0	49	T
31	Bùi Thanh	Thắng		2.5	4.5	4	5	9	6.5	5.5	7	5.5	Đ	9	Y			50	T
32	Phạm Thị Thanh	Thúy	X	1.8	4	3.8	7.3	9	5	7.5	8	4.8	Đ	8	Kem			49.5	T
33	Trần Võ Anh	Thư	X	3	6.8	5.5	7.3	9	7	5.3	8	6.3	Đ	8	Y			48.5	T
34	Cao Hồ Thanh	Tiền	X	2.8	5.3	5.5	4	9	8	7	4	6.3	Đ	8	Y			50	T
35	Nguyễn Ngọc Phương	Trình	X	4.3	6	6.3	8	9	8	6.3	9	6	Đ	8	TB			50	T
36	Nguyễn Thị Kim	Trình	X	6	5.5	6.3	6.3	9	7	6.3	10	7.5	Đ	8	K			47	T
37	Huỳnh Thủy	Trúc		6	7.8	5.3	7.5	9	6.5	5.3	6	3	Đ	8	TB			48.5	T
38	Lê	Trung		1.3	6.5	3.8	5.5	9	1.5	5	6	5	CD	9	Kem			50	T
39	Nguyễn Quốc	Trung		6.5	7.8	4.8	6.8	9	6.5	8	7	6	CD	8	Y			50	T
40	Ngô Ngọc Thanh	Tuấn		5	6.8	4.5	6.5	9	5.5	2.8	6	7	Đ	6	TB			50	T
41	Võ Thị Thu	Tuyết	X	4	6	4	5.8	9	6	3.3	7	4.3	Đ	8	Y			50	T
42	Dương Kim	Yến	X	3.8	4	6	5.3	9	5	3	5	3.8	CD	8	Y			50	T
43	Nguyễn Trần Quốc	Toàn		2	2.3	3.3	5.8	9	2.5	6.5	6	5.8	Đ	8	Y			50	T

Bình Tân, ngày 21 tháng 10 năm 2016

Hiệu Trưởng

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương

